



Số: 375 - 2023/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/11/2023
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Sông Cầu
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 51B04/23
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 07/11/2023
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,46
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,63
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	13,14
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	49,94
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	< LOQ = 4,923
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	92
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,13
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,00
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	< LOQ = 0,57
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,007)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,73
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Ghi chú: *Nguyễn Tôn Thuận*

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 05

Ngày ban hành: 31/12/2021



Số: 376 - 2023/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/11/2023
Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Nhà làm việc NMN Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 52M₁04/23
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 07/11/2023
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,37
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,38
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	< LOQ = 0,05
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12,80
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	51,44
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	KPH (LOQ = 4,923)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	92
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,12
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,00
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,58
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,05
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,37
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú: Nguyễn Tiến Thuận

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 05

Ngày ban hành: 31/12/2021



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 377 - 2023/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/11/2023

Trang: 1/1

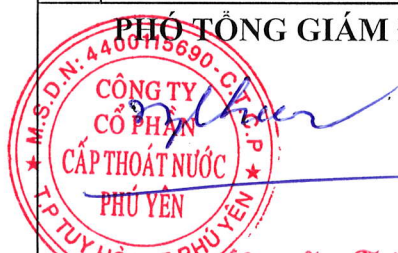
- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối tuyến Xuân Phương- NMN Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 53M₂04/23
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 07/11/2023
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, mùi,	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,40
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,34
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	13,47
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	48,95
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	KPH (LOQ = 4,923)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	92
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,13
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,00
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	< LOQ = 0,57
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,007)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,20
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 05

Ngày ban hành: 31/12/2021